

BÙI ĐĂNG DUY  
NGUYỄN TIẾN DŨNG

LỊCH SỬ  
TRIẾT  
HỌC  
PHƯƠNG  
TÂY  
HIỆN ĐẠI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐƯƠNG

LỊCH SỬ  
TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

PGS BÙI ĐĂNG DUY - PGS-TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

Lịch sử  
**TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI**

*Sách tham khảo*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH



## LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử triết học phương Tây hiện đại là cuốn sách dành cho sinh viên khoa Triết học và Khoa học Giáo dục Chính trị các trường đại học. Đây cũng là tài liệu dành cho những ai muốn tự mình bắt đầu đi vào môn khoa học này.

Lịch sử triết học phương Tây với nhiều trào lưu triết học, với nhiều triết gia có danh mà chỉ thu gọn lại trong mấy trăm trang sách chắc không phải là đầy đủ và không dễ dàng.

Ta nhớ lại lời của C. Mác rằng: các nhà triết học không như những cây nấm mọc ra từ đất. Họ là sản phẩm của thời đại, của nhân dân họ mà những tinh lực tinh tế nhất, quý giá nhất và khó nhìn thấy nhất đã được suy tư trong những khái niệm triết học.

Viết về cái tinh tế đã khó, viết về cái khó nhìn thấy càng khó hơn. Song “chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp nhận những thành tựu của thế giới”, (thì) “hậu quả là số đông cán bộ lý luận thiếu hiểu biết rộng rãi về kho tàng tri thức của loài người, do đó khả năng bị hạn chế”.

Để thực hiện một công việc vừa khó khăn cũng không kém phần phức tạp này, chúng tôi giữ vững hai nguyên tắc:

một là quan điểm khách quan, hai là quan điểm biện chứng trong quá trình biên soạn cuốn sách này.

Quan điểm khách quan đòi hỏi “những tinh lực quý giá nhất” và “khó nhìn thấy nhất” của nhà triết học đã được suy tư trong các khái niệm triết học cần phải được trình bày một cách khách quan trung thực, đúng như nó vốn có. Chỉ có trình bày khách quan, thì người đọc mới có căn cứ để phán đoán đúng đắn. Triết học cũng như các hình thái ý thức xã hội khác như văn học, nghệ thuật, hội họa đều có ngôn ngữ riêng. Vì vậy phải trình bày đúng ngôn ngữ của triết học, không thể đơn giản hóa, thậm chí tầm thường hóa làm cho nội dung sâu rộng của nó biến mất. Nhiều nhà triết học còn cho rằng những từ ngữ mà ở phương Tây người ta gọi là những từ “man rợ” thì cũng phải trình bày đúng như thế vì những từ đó đều có những nghĩa nhất định không gì có thể thay thế.

- Trình bày một trào lưu triết học một cách lơ lửng như không gắn bó gì với nền văn hóa, lối sống nhất là khoa học ở nơi đó thì cũng khó mà hiểu được những luận đề mà tác giả đưa ra. Triết học là thành tố hàng đầu của văn hóa, vì vậy khó có thể thuyết phục được rằng triết học lại lạc hậu so với hình thái ý thức xã hội khác.

Quan điểm biện chứng khi xem xét chỉ ra rằng, không một trào lưu triết học nào dám tự nhận là hoàn chỉnh và không chứa chấp những mâu thuẫn, thậm chí những nghịch lý. Nhưng đây không phải là những mâu thuẫn lôgic, những

kém cỏi của nhà triết học mà là những mâu thuẫn của chính luận đề mà tác giả chưa thể giải quyết được. Ở đây cũng vẫn loại trừ cách nhìn “tối đại hóa” (maximalisme). Bất cứ trào lưu triết học nào cũng không thể là chân lý tuyệt đối, phổ biến cho mọi dân tộc. Chẳng hạn, chủ nghĩa hiện sinh là khát vọng tự do của nhân dân Pháp, nhưng vào Việt Nam thì lại trở thành công cụ đầu độc tinh thần cách mạng của nhân dân. Trái lại cũng không thể lấy một chân lý tuyệt đối nào làm chuẩn để phán xét tất cả các trào lưu triết học khác nhau ở nhiều nước, ở nhiều thời đại.

Viết một bộ lịch sử triết học thì việc khó khăn đầu tiên là tìm ra những trào lưu triết học, nhất là những người sáng lập những trường phái đó. Triết học ảnh hưởng đến toàn bộ nền văn hóa của dân tộc, đến nhiều hình thái ý thức xã hội, nhưng không có nghĩa là tất cả những lý luận nào chịu ảnh hưởng của triết học thì đều được gọi là triết học. Nhiều hình thái ý thức xã hội, kể cả khoa học thường lấy nhiều luận đề của triết học làm nền tảng khoa học cho mình. Nhưng những hình thái ý thức xã hội đó vẫn là một khoa học độc lập. Trong ngôn ngữ ở phương Tây, trước hết là Pháp ngữ, có hậu tố “isme” không có nghĩa là một trào lưu triết học mà nhiều khi chỉ là những khoa học khác, thậm chí chỉ là phong cách bình thường. Nhiều bộ môn khoa học, như xã hội học, tâm lý học chẳng hạn, không hề có mặt một nhà triết học lớn nào. Vậy thì trong lịch sử triết học chúng ta cũng không tùy tiện đưa vào những nhà xã hội học, những nhà chính trị dù những người

này có những hệ thống tư tưởng khá đồ sộ. Tóm lại, trong một cuốn lịch sử triết học chúng ta nêu tên những nhà khoa học ngoài triết học để thấy ảnh hưởng của triết học, nhưng không thể biến họ thành nhà triết học, và họ cũng không muốn thế, mặc dầu họ rất kính trọng triết học. Từ đầu thế kỷ XX đến nay có nhiều nhà triết học xuất hiện khó có thể giới thiệu đầy đủ, nhưng nếu bỏ sót không giới thiệu những nhà triết học khai sáng ra một trào lưu có ảnh hưởng rộng lớn thì lại là một thiếu sót lớn đối với công tác giảng dạy triết học.

Trong tình hình việc nghiên cứu lịch sử triết học phương Tây hiện đại chưa được phát triển như ở nước ta, thì việc chúng ta phải *đưa vào tư liệu* của các học giả có uy tín lớn ở nước ngoài là việc nên làm, nhưng về quan điểm *nghiên cứu*, chúng ta vẫn coi trọng quan điểm khách quan và biện chứng như đã nói trên.

Để nắm được lịch sử triết học, nhất là về thời kỳ phát triển mạnh mẽ và phức tạp như thời kỳ hiện đại thì một vấn đề đặt ra rằng, không phải chỉ cần hiểu từng trường phái, từng nhà triết học mà là phải, nói như Ph. Ăngghen, có một cái nhìn tổng quát về các hiện tượng (ở đây là các trào lưu triết học) tức những xu hướng phát triển của chúng, các mối tương quan của chúng với những điều kiện lịch sử, đặc biệt đối với các hình thái ý thức khác, mà trong triết học phương Tây thì mối quan hệ giữa triết học và khoa học là mối quan tâm hàng đầu.



Vấn đề phân kỳ trong một bộ lịch sử triết học là vấn đề thường phải đem ra bàn, nhất là thời kỳ hiện đại (moderne). Có người tính thời kỳ hiện đại từ năm 1789, năm nổ ra Cách mạng tư sản Pháp, có người tính từ thế kỷ XIX. Chúng tôi tán thành quan điểm cho rằng thời kỳ hiện đại bắt đầu từ thế kỷ XX, hay rõ hơn từ những năm cuối thế kỷ XIX. Đó là thời kỳ khủng hoảng của nền khoa học cổ điển mở ra thời kỳ khoa học hiện đại, đồng thời cũng là thời kỳ ra đời và phát triển của nền triết học mới.

Tuy nhiên, sự phân kỳ đó chỉ là tương đối bởi vì có trào lưu triết học ra đời từ thế kỷ XIX nhưng vẫn kể là thời kỳ hiện đại. Vì vậy xét cho cùng, tính hiện đại là ở chỗ những trào lưu triết học, khoa học hay văn học đó cho đến thế kỷ XX vẫn còn tiếp tục đi vào cuộc sống hiện đại.

Một vấn đề quan trọng nữa là sự phân loại các trào lưu triết học. Chưa bao giờ trong một thời gian ngắn, nhất là trong quá nửa đầu thế kỷ XX, mà có nhiều trào lưu triết học cùng ra đời và xen kẽ nhau. Bởi vậy trình bày theo sự diễn biến của lịch sử sẽ gặp khó khăn và người đọc không gặp ít trở ngại trong việc phân biệt xu hướng này hay xu hướng khác. Vì vậy chúng tôi tán thành lựa chọn phân loại thành nhiều nhóm, nhiều mảng chủ đề tương đối gần nhau. Chủ đề trong triết học phương Tây tuy rất đa dạng nhưng vẫn có đặc điểm gần gũi nhau đó là vấn đề *con người*, vấn đề những *giá trị con người*. Vì vậy chúng tôi xếp các loại triết học đó vào một khối, đương nhiên cũng theo trật tự tương đối của thời gian. Một

mảng triết học khác nhau cũng không ngoài những giá trị nhân văn nói trên, nhưng tập trung vào những vấn đề khoa học có giá trị lớn đối với sự phát triển khoa học. Vì vậy theo nhiều nhà lịch sử triết học phương Tây, chúng tôi xếp vào mảng *triết học của khoa học*. Đó là những nhà phê bình khoa học như E. Mach, chủ nghĩa Kant mới, chủ nghĩa thực chứng mới và chủ nghĩa hậu thực chứng. Cuối cùng là mảng *triết học tôn giáo* bao gồm triết học của Giáo hội Công giáo (chủ nghĩa Thomas mới, chủ nghĩa Teilhard) chủ nghĩa Tin lành mới và Thần học về sự giải phóng.

Một vấn đề nữa của quan điểm biện chứng là sự chính xác của khái niệm triết học. Chuyển những khái niệm triết học phương Tây sang tiếng Việt quả là một vấn đề khó khăn. Đến như ở nước ta, đã có nhiều cách dịch khái niệm triết học phương Tây sang tiếng Việt. Nhưng theo chúng tôi, chọn cách dịch theo *hình thức* chứ không theo *thực thể* là tốt nhất. Nhà triết học nào muốn đề xướng một khái niệm thường vay mượn một từ trong văn hóa, rồi từ đó nghiên ngẫm để hình thành một khái niệm triết học, cho nên nhiều khi một từ được sử dụng hằng ngày trở thành một khái niệm không còn nội dung giống như nhau nữa. Ví dụ khái niệm “hình thức” của Aristote và khái niệm “hình thức” của chúng ta ngày nay thì khác nhau hoàn toàn. Từ “Différence” của Derrida không còn nghĩa như từ thông thường, nhưng vẫn phải giữ hình thức của nó là “khác nhau”. Mỗi khái niệm thường là một hệ thống lý luận. Nếu mỗi người cứ tùy ý chọn một nội dung nào đó và